

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN PHƯỚC  
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: **60/2021/HNGĐ-ST**

Ngày 18-11-2021

V/v tranh chấp ly hôn và  
nuôi con chung.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Thạch Hải Âu.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Thanh Dũ.

2. Bà Huỳnh Thị Bé Tư.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Minh Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:** Ông Lê Trung Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 121/2021/TLST-HN ngày 07 tháng 6 năm 2021 về “*tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2021/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Thanh K**, sinh năm 1994.

Nơi cư trú: Ấp M, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Anh **Bùi Thanh T**, sinh năm 1992.

Nơi cư trú: Ấp M, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

*(Chị K, anh T có mặt tại phiên tòa)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 13/5/2021, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh K trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh K và anh Bùi Thanh T quen

biết, tự tìm hiểu rồi tiến tới hôn nhân. Anh, chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 29, Quyển số 01/2007 ngày 20/12/2012. Sau khi kết hôn anh chị sống chung hạnh phúc, đến tháng 12 năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cách nuôi dưỡng, giáo dục con cái và kinh tế gia đình, tiền bạc trong gia đình anh T và cha mẹ anh T tự quyết định, không trao đổi với chị dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau mâu thuẫn ngày càng nhiều. Chị K và anh T đã ly thân từ tháng 04 năm 2021 đến nay. Trong thời gian ly thân, hai vợ chồng cũng đã tìm cách hàn gắn nhưng không được. Chị Nguyễn Thị Thanh K yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Bùi Thanh T.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thanh K và anh Bùi Thanh T có 02 con chung là cháu Bùi Thanh S, sinh ngày 27/01/2014 và Bùi Nguyễn Ngọc G, sinh ngày 22/01/2021, hiện 02 con chung đang sống cùng chị K. Khi ly hôn, chị K yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu Bùi Thanh S và Bùi Nguyễn Ngọc G.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị K yêu cầu anh Bùi Thanh T cấp dưỡng nuôi 02 con chung 1.500.000 đồng/tháng cho mỗi con chung cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động được.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

**\* *Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh Bùi Thanh T trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Anh T thống nhất thời điểm kết hôn như chị K trình bày, tuy nhiên mâu thuẫn gia đình chị K trình bày không đúng, từ lúc chị K dọn đồ về nhà cha mẹ ruột ở đến nay, anh và gia đình có nhiều lần đến nói chuyện và rước về nhưng chị K không đồng ý. Chị K yêu cầu ly hôn anh không đồng ý, muốn được hàn gắn vì còn thương vợ, thương con, muốn chị Kiều cho cơ hội sửa chữa, khắc phục khuyết điểm. Nếu chị K cương quyết ly hôn thì chấp nhận theo yêu cầu của chị K.

- Về con chung: Có 02 con chung là cháu Bùi Thanh S, sinh ngày 27/01/2014 và Bùi Nguyễn Ngọc G, sinh ngày 22/01/2021, hiện 02 con chung đang sống cùng chị K. Khi ly hôn, chị K yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu Bùi Thanh S và Bùi Nguyễn Ngọc G, anh T đồng ý.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh không đồng ý yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của chị K, nếu chị K không nuôi nổi các con thì giao cho anh nuôi.

- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

**\* *Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:***

- Về tố tụng, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử Thẩm phán, Thư ký chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Kiều, cho chị K ly hôn với anh T, giao 02 con chung là cháu Bùi Thanh S, sinh ngày 27/01/2014 và Bùi Nguyễn Ngọc G, sinh ngày 22/01/2021 cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng, buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000 đồng/tháng cho mỗi con chung; buộc nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh K yêu cầu ly hôn với anh Bùi Thanh T; anh T có nơi cư trú tại ấp M, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp ly hôn và nuôi con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Thanh K và anh Bùi Thanh T quen biết, tự tìm hiểu rồi tiến tới hôn nhân. Anh, chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 29, Quyền số 01/2007 ngày 20/12/2012. Sau khi kết hôn anh chị sống chung hạnh phúc, đến tháng 12 năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cách nuôi dưỡng, giáo dục con cái và kinh tế gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau mâu thuẫn ngày càng nhiều. Chị K và anh T đã ly thân từ tháng 04 năm 2021 đến nay. Trong thời gian ly thân, hai vợ chồng cũng đã tìm cách hàn gắn nhưng không được. Nay chị K yêu cầu ly hôn anh T do tình cảm không còn. Tại phiên tòa hôm nay, anh T muốn hàn gắn vợ chồng vì còn thương vợ, thương con, nếu chị K cương quyết ly hôn anh chấp nhận theo yêu cầu của chị K.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 28/9/2021, bà Tăng Thị C là mẹ ruột của chị K trình bày có biết mâu thuẫn giữa hai vợ chồng chị K, anh T, từ khi chị K dọn về nhà bà ở đến nay anh T lâu lâu có tới thăm con nhưng không nói chuyện, tâm sự gì với chị K; hai bên gia đình cũng có trao đổi, khuyên nhủ các con nhưng không

được. Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/11/2021 của ông Bùi Ngọc A là cha ruột của anh T trình bày sau khi chị K và anh T ly thân, gia đình hai bên có nhiều lần trao đổi, động viên hàn gắn cho hai vợ chồng nhưng không được, gia đình hai bên cũng không mâu thuẫn, xích mích gì. Gia đình đã nhiều lần đến rước chị K về nhưng chị K không đồng ý. Tại phiên tòa, chị K cũng cương quyết ly hôn, không đồng ý hàn gắn vợ chồng. Như vậy, tình cảm vợ chồng của anh chị đã không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51 và Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn anh Bùi Thanh T của chị Nguyễn Thị Thanh K.

[3]. *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị Thanh K và anh Bùi Thanh T có 02 con chung là cháu Bùi Thanh S, sinh ngày 27/01/2014 và Bùi Nguyễn Ngọc G, sinh ngày 22/01/2021, hiện 02 con chung đang sống cùng chị K. Khi ly hôn, chị K yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu Bùi Thanh S và Bùi Nguyễn Ngọc G. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay 02 con chung đang sống ổn định cùng chị K. Cháu Bùi Thanh S có nguyện vọng được sống chung với mẹ (*Bút lục số 14*); Cháu Bùi Nguyễn Ngọc G còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi. Tại phiên tòa hôm nay, anh T cũng đồng ý giao hai con chung cho chị K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Việc thỏa thuận của anh chị không trái với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội và đảm bảo quyền lợi hợp pháp của con chung nên căn cứ vào Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận sự thỏa thuận của anh chị về người trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn.

[4]. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Chị K yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng cho mỗi con chung cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động được. Anh T không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện 02 cháu Bùi Thanh S và Bùi Nguyễn Ngọc G đang sống cùng chị K. Trước khi sinh cháu G, chị K và anh T làm công nhân tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn MH Tiền Giang, thu nhập ổn định, tuy nhiên sau khi sinh con đến nay, chị nghỉ thai sản nên không có thu nhập, ngoài ra do ảnh hưởng của dịch, bệnh Covid-19 đang diễn biến phức tạp nên sau khi hết thời gian nghỉ thai sản, chị cũng chưa trở lại công ty làm việc. Theo lời trình bày của chị K chi phí chăm sóc, nuôi dưỡng cho hai con chung mỗi tháng vào khoảng 5.000.000 đồng. Tại phiên tòa hôm nay, anh T không đồng ý cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên anh thừa nhận nhận chi phí chăm sóc cho các con chung mỗi tháng khoảng 4.000.000 đến 5.000.000 đồng. Hiện anh đang làm công nhân tại Công ty trách nhiệm hữu hạn MH Tiền Giang, thu nhập hàng tháng khoảng 8.000.000 đồng. Tại Biên bản lấy lời khai đương sự ngày 03/11/2021, ông Bùi Ngọc A là cha ruột của anh T trình bày hiện nay, anh T vẫn còn làm công nhân tại công ty MH, thu nhập trung bình hàng tháng bao nhiêu ông không rõ vì kể từ khi vợ chồng còn hòa hợp, tiền lương do hai vợ chồng tự giữ, hàng tháng có cho vợ chồng ông 2.000.000 đồng – 3.000.000 đồng để chăm sóc cho con. Ngoài T, gia đình ông còn 02 người con gái

nhưng đã lập gia đình và ở chung bên gia đình chồng, ngoài thu nhập từ tiền lương của T, gia đình ông còn canh tác khoảng 8.000m<sup>2</sup> khóm. Hội đồng xét xử xét thấy, mức cấp dưỡng 1.500.000 đồng/tháng cho mỗi con chung mà chị K yêu cầu là không cao so với nhu cầu thiết yếu của mỗi con chung tại địa phương, không cao so với thu nhập hàng tháng của anh T và không trái với quy định của pháp luật, đủ đảm bảo cuộc sống tối thiểu cho các con chung. Căn cứ vào các Điều 107, 108, 110 và Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng của chị K.

[5]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Thanh K phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Anh Bùi Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7]. *Về quyền kháng cáo*: Chị Nguyễn Thị Thanh K, anh Bùi Thanh T có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[8]. Xét ý kiến đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Căn cứ vào:**

- Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 107, 108, 110, 116, 117 và Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 266, 267, 271, 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điểm a Khoản 5, Điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thanh K và anh

Bùi Thanh T.

2. Về con chung: Giao hai con chung giữa chị Nguyễn Thị Thanh K và anh Bùi Thanh T là cháu Bùi Thanh S, sinh ngày 27/01/2014 và cháu Bùi Nguyễn Ngọc G, sinh ngày 22/01/2021 cho chị Nguyễn Thị Thanh K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh Bùi Thanh T có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc anh Bùi Thanh T cấp dưỡng nuôi con chung cho hai cháu Bùi Thanh S, sinh ngày 27/01/2014 và cháu Bùi Nguyễn Ngọc G, sinh ngày 22/01/2021 số tiền 1.500.000 đồng/tháng cho mỗi con chung, cho đến khi hai cháu S, G đủ 18 tuổi và có khả năng lao động được. Thời hạn cấp dưỡng được thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị Thanh K có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Bùi Thanh T chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng còn phải chịu lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự tại thời điểm thanh toán.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh K phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 21056 ngày 03/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang, xem như chị K đã thực hiện xong nghĩa vụ chịu án phí.

Buộc anh Bùi Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Thanh K và anh Bùi Thanh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- Chi cục THADS huyện Tân Phước;
- Các đương sự:
  - + Nguyễn Thị Thanh K;
  - + Bùi Thanh T.
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**Thạch Hải Âu**

